



27 巨人的花园

1、看拼音，写字词。

hū xiào

chāi chú

zōng jì

róu nèn

liǎn jiá

hǒu jiào

chì zé

yǔn xǔ

fù gài

yī lǚ

lǒu zhù

fēng shuò

2、填写合适的词语。

_____的青草 _____的果子 _____的鲜花

_____的音乐 _____的景象 _____的肩膀

3、写出下列句子中加点词的反义词。

(1)我多么自私啊。_____

(2)巨人坐在窗前，望着窗外那凄凉的花园。_____

(3)除了我自己以外，我不允许任何人在里面玩。_____





参考答案

1、

呼啸 拆除 踪迹 柔嫩

脸颊 吼叫 叱责 允许

覆盖 一缕 搂住 丰硕

2、

柔嫩 丰硕 美丽

动听 奇特 巨人

3、

(1)无私

(2)繁华

(3)拒绝

